TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNGH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNGH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa:Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐXXST- DS ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 ĐườNG M, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Phạm Trường Tlà đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 316/2018/UQ-TTT ngày 12/3/2018)

Bị đơn: Ông Trần Văn H

Địa chỉ: 41 Đường L, Khu phố F, phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Sài Gòn Thương Tín có ông Phạm Trường T đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 25/09/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Trần Văn H hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng

cá nhân. Sau khi được cấp thẻ sử dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 78.662.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ khi kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 79.154.637 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể:

- Phí trễ hạn: 696.974 đồng
- Tổng phí vượt hạn mức và phí: 3.323.000 đồng
- Tổng lãi trước khi chuyển quá hạn: 7.703.635 đồng
- Tổng phí, lãi: 11.723.609 đồng
- Tổng tiền thanh toán còn lại là: 79.154.637 – 11.723.609 = 67.431.028 đồng
- Tổng số tiền gốc còn lại chưa thanh toán: 78.662.000- 67.431.028= 11.230.972 (Mười một triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng)

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ôngH vẫn không có thiện chí trả nợ. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/10/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 11.230.972 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suát được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,5% x150% =3,225%/tháng. Tính đến ngày xét xử, ôngH còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc 11.230.972 đồng

Lãi quá hạn 12.966.402 đồng

Tổng cộng: 24.197.374 đồng

Ông H còn có trách nhiệm phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận từ ngày 19/9/2018 cho đến khi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn là ông Trần Văn H vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Văn H, do bị đơn cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào kết quả của Phiếu yêu cầu xác minh số 364/PYCXM ngày 22/5/2018, Công an phường Cát Lái Quận 2 trả lời như sau: "Ông Trần Văn H đăng ký tạm trú tại địa chỉ 41 đường 3, khu phố 3, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên kể từ năm 2015 và không biết chuyển đi đâu" .Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 không thể thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp được.

Do không tống đạt trực tiếp được, áp dụng Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại 03 nơi: Nơi cư trú của ông Trần Văn H được ghi trong hợp đồng -41 đường 3, khu phố 3, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 và tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, thời gian niêm yết văn bản tố tụng là 15 ngày kể từ ngày niêm yết, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 04/5/2018, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 87/2018/TB-TA ngày 26/4/2018; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 22/5/2018 để trình bày lời khai.

- Lần 2: Ngày 25/6/2018, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vàH giải số 131/TB-TA ngày 19/6/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/07/2018 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vàH giải.

- Lần 3: Ngày 16/7/2018, niêm yết Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vàH giải số 156/TB-TA ngày 16/7/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 03/8/2018 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vàH giải.

- Lần 4: Ngày 10/8/2018 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018/QĐST-DS ngày 09/8/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa 14 giờ 00 phút ngày 29/8/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Lần 5: Ngày 29/8/2018 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐXXST-DS ngày 29/8/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 18/9/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Trong tất cả các lần Tòa triệu tập, ông Trần Văn H đều vắng mặt không có lý do. Ông H thay đổi địa chỉ, không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện, cho Toà án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

3. Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Trần Văn H thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 18/9/2018, bao gồm toàn bộ nợ gốc 11.230.972 ; nợ lãi quá hạn là 12.966.402 đồng. Tổng cộng ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền 24.197.374 đồng.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu này của ngân hàng như sau:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 của ông Trần Văn H, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074 - loại thẻ visa, hạn mức thẻ hạn mức tín dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Các thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bản tóm tắt sao kê ngày 18/9/2018, căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của bị đơn để xác định bị đơn đã nhận thẻ và thực hiện giao dịch với tổng số tiền 78.662.000 đồng và tổng phí, lãi: 11.723.609 đồng (gồm phí trễ hạn: 696.974 đồng; tổng phí vượt hạn mức và phí: 3.323.000 đồng; tổng lãi trước khi chuyển quá hạn: 7.703.635 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ khi kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 79.154.637 đồng. Như vậy, số tiền phải thanh toán còn lại là: 79.154.637 – 11.723.609 (phí, lãi) = 67.431.028 đồng. Tổng số tiền gốc còn lại chưa thanh toán: 78.662.000-67.431.028= 11.230.972 (Mười một triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/10/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 11.230.972 đồng sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,5% x150% =3,225%/tháng. Tính đến ngày xét xử, ôngH còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc 11.230.972 đồng

Lãi quá hạn 12.966.402 đồng

Tổng cộng: 24.197.374 đồng

Xét số tiền nợ gốc hàng yêu cầu ông H thanh toán là 11.230.972 (Mười một triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) là đúng. Về số tiền lãi, Ngân hàng yêu cầu thanh toán là phù hợp với Thông báo số 173/TB-

TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng; mục 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: " Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến khi chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút"; mục 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: " việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán….Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại";

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng xác lập ngày 25/9/2012 ông Nguyễn Văn H cam kết: " Tôi đã đọc, và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng Sacombank… ". Như vậy, lãi suất được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S sử dụng để tính lãi đối với khoản nợ của ông Trần Văn H từ ngày 11/10/2015 đến ngày 18/9/2018 với số tiền lãi 12.966.402 đồng là phù hợp với mức lãi suất quy định nên có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông Trần Văn H thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 18/9/2018 là 24.197.374 đồng, bao gồm nợ gốc: 11.230.972 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.966.402 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí. Án phí bị đơn phải chịu trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn là 24.197. 374 đồng. Ông Trần Văn H phải chịu án phí là 604.934 (Sáu trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ssố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 532.194 đồng theo biên lai thu số AA/2017/ 0015129 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Trần Văn H về việc thanh toán các khoản nợ tín dụng.

Buộc ông Trần Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 24.197.374 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó bao gồm 11.230.972 (Mười một triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) nợ gốc và 12.966.402 đồng (mười hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ hai đồng) nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"

2. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu án phí là 604.934 (Sáu trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 532.194 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0015129 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga